

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ SỨC BỀN TỐC ĐỘ CỦA NỮ VẬN ĐỘNG VIÊN ĐUA THUYỀN KAYAK LỬA TUỔI 15-17 CÂU LẠC BỘ ĐUA THUYỀN HÀ NỘI

Bùi Thị Sáng⁽¹⁾

Tóm tắt:

Thông qua các bước kiểm định bằng phương pháp toán học thống kê, tác giả đã xây dựng được tiêu chuẩn phân loại, tiêu chuẩn điểm theo thang độ C, tiêu chuẩn tổng hợp đánh giá sức bền tốc độ cho vận động viên Đua thuyền Kayak theo từng độ tuổi từ 15 đến 17 Câu lạc bộ Đua thuyền Hà Nội, tạo tiền đề kiểm nghiệm hiệu quả của các bài tập mà đề tài áp dụng cho đối tượng thực nghiệm sau này.

Từ khóa: Tiêu chuẩn, sức bền tốc độ, đua thuyền Kayak, lứa tuổi 15-17.

Developing standards for assessing speed endurance for female Kayak athletes aged 15-17 in the Hanoi Sailing Club

Summary:

Through the examination steps using mathematical and statistical methods, the topic has built classification standards, C-scale point standards, and general evaluation criteria in order to evaluate speed endurance female Kayak athletes aged 15-17 in the Hanoi Sailing Club. The topic has created a basis to evaluate the effectiveness of exercises that the topic has applied to experimental subjects later.

Keywords: Standards, speed endurance, Kayak, ages 15-17.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá trình độ tập luyện là khâu quan trọng để xem xét hiệu quả và chất lượng quá trình tập luyện của các vận động viên (VĐV). Để thuận tiện trong đánh giá năng lực của VĐV cần có bộ tiêu chuẩn chính xác, phản ánh đúng trình độ của VĐV theo từng độ tuổi. Qua khảo sát thực tiễn chúng tôi nhận thấy việc xây dựng tiêu chuẩn xếp loại và thang điểm đánh giá thể lực nói chung, đặc biệt là sức bền tốc độ cho các nữ VĐV Đua thuyền Kayak chưa được quan tâm và áp dụng một cách khoa học. Do vậy, việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức bền tốc độ cho nữ VĐV Đua thuyền Kayak lứa tuổi 15-17 Câu lạc bộ (CLB) Đua thuyền Hà Nội là nhu cầu cấp thiết trong công tác đào tạo VĐV.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu, quan

sát sự phạm, kiểm tra sự phạm và toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Sau các bước xác định tiêu chuẩn của test (phỏng vấn chuyên gia, kiểm định độ tin cậy, tính thông báo) chúng tôi lựa chọn được 9 test ở 3 yếu tố: Sự phạm, Tâm lý, Sinh lý để đánh giá sức bền tốc độ cho nữ VĐV Đua thuyền Kayak lứa tuổi 15-17 của CLB Đua thuyền Hà Nội, các test bao gồm: VO₂max (ml/g/ph), Ruffier (HW), Đánh giá khả năng chú ý (P), Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s), Giật tạ 2' (l), Đẩy tạ 2' (l), Chèo trên máy 2 phút (m), Chênh lệch thành tích 2x200m (k), Chèo thuyền 2000m (s).

Để tiến hành xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức bền tốc độ cho nữ VĐV đua thuyền Kayak lứa tuổi 15-17 trong điều kiện thực tiễn tại CLB đua thuyền Hà Nội, chúng tôi đã tiến hành kiểm tra sự phạm trên các test, số liệu thu được từ quá

⁽¹⁾ThS, Khoa GDTC-Trường Đại học SPHN 2; Email: buithisang@hpu2.edu.vn

trình kiểm tra được tiến hành phân tích theo theo
lộ trình như sau:

1. Kiểm định phân phối chuẩn của số liệu quan sát

Vì cỡ mẫu = 16 < 30 nên chúng tôi sử dụng
kiểm định Kolmogorov-Smirnov nhằm kiểm tra
sự phân phối chuẩn của mẫu. Kết quả trình bày
tại bảng 1.

Bảng 1. Kiểm định phân phối chuẩn của số liệu lập test đánh giá (n = 16)

Test Giá trị thống kê		VO ₂ max (ml/g/ph)	Rufier (HW)	Khả năng chú ý (P)	Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s)	Giật tạ 2' (l)	Đẩy tạ 2' (l)	Chèo trên máy 2'(m)	Chênh lệch thành tích 2 x 200m (k)	Chèo thuyền 2000m (ph)
n	Được tính	16	16	16	16	16	16	16	16	16
	Khuyết thiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trung bình		45.01	11.13	9.75	50.25	111.06	104.69	427.19	15.07	12.25
Trung vị		45.83	11.55	9.55	51	111	105	430	14.81	12.24
Giá trị lớn nhất		50	12	12	66	119	121	450	19	12
Độ lệch chuẩn		4.375	0.876	1.136	10.810	5.779	13,255	15,272	2,537	0.128
Độ xiên		-1.044	-0.634	0.34	-0.16	-0.008	-0.086	-0.251	0.141	0.536
Sai số của góc xiên		0.564	0.564	0.564	0.564	0.564	0.564	0.564	0.564	0.564
Độ sắc nét		0.468	-1,329	-0.582	-1.173	-1.559	-1.888	-0.794	-1.110	-1.297
Sai số của giá trị độ sắc nét		1.091	1.091	1.091	1.091	1.091	1.091	1.091	1.091	1.091

Từ kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy: Giá
trị các số liệu của mỗi test đều đảm bảo yêu cầu
về quy định của phân phối chuẩn của số
liệu như sau: Giá trị trung bình của thành tích
nằm trong khoảng 10% trung vị và giá trị trung
bình ± 3 độ lệch chuẩn $\approx$ giá trị nhỏ nhất và giá
trị lớn nhất, độ xiên và độ sắc nét của đỉnh của
đường cong phân phối tần số của các giá trị dao
động trong khoảng ± 1 . Kết quả này cho phép đề
tài sử dụng $\bar{x}$ và σ để xây dựng tiêu chuẩn đánh
giá sức bền tốc độ cho các VĐV.

2. Kiểm định sự khác biệt trung bình thành tích giữa các lứa tuổi

Do có 3 độ tuổi khác nhau, mỗi độ tuổi lại có
thời gian tập luyện không đồng nhất dẫn đến
việc đặt ra mục tiêu và yêu cầu về năng lực vận
động của mỗi độ tuổi cũng khác nhau. Từ bước
phân tích hồi quy chúng tôi cũng nhận thấy rằng

tính dự báo và mức độ tác động của các biến độc
lập lên biến phụ thuộc là khác nhau ở các độ
tuổi, vì vậy cần đánh giá sự khác biệt có mang
ý nghĩa thống kê để thực hiện những bước
nghiên cứu tiếp theo, đề tài tiến hành so sánh
thành tích của các nữ VĐV ở các lứa tuổi dưới
giả thuyết:

H0: Trình độ sức bền tốc độ của ba độ tuổi
không có sự khác biệt;

Ha: Có sự khác biệt trình độ sức bền tốc độ
của ba độ tuổi 15,16,17.

Để thực hiện kiểm định so sánh giá trị quan sát
các test giữa các độ tuổi đề tài sử dụng kiểm định
sự khác biệt về giá trị trung bình bằng One Way
Anova (Anova một chiều) theo thực đơn: Analyze
→ Compare Mean → One - Way ANOVA.

Từ kết quả kiểm định sự khác biệt ANOVA
cho thấy ở giá trị Sig ở phần lớn các test đều <

BÀI BÁO KHOA HỌC

0,05 nên đề tài có căn cứ bác bỏ giả thuyết H_0 , chấp nhận đối thuyết H_a , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các biến quan sát giữa 3 độ tuổi 15, 16, 17. Điều này đòi hỏi phải có tiêu chuẩn đánh giá khác nhau cho các độ tuổi.

3. Xây dựng tiêu chuẩn phân loại đánh giá sức bền tốc độ theo từng test cho nữ vận động viên Đua thuyền Kayak cự ly 500m lứa tuổi 15-17

Từ giá trị tổng thể quan sát đảm bảo về độ tin cậy và phân bố chuẩn nên đủ điều kiện cho phép sử dụng giá trị $\bar{x}$ và δ để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phân loại theo độ lệch chuẩn. Đây là phương pháp dùng số trung bình cộng của mẫu điều tra làm giá trị chuẩn, lấy σ làm khoảng cách để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá. Kết quả xây dựng tiêu chuẩn phân loại theo 3 độ tuổi 15, 16 và 17 được trình bày tại bảng 2, 3 và 4.

Bảng 2. Tiêu chuẩn phân loại sức bền tốc độ theo từng test của nữ VĐV đua thuyền Kayak lứa tuổi 15

TT	Xếp hạng Test	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	VO ₂ max (ml/kg/ph)	≤ 31.15	31.16 - 35.04	35.05 - 42.83	42.84 - 46.72	≥ 46.73
2	Rufier (HW)	≥ 13.91	13.90 - 13.01	13.00 - 10.80	10.79 - 9.90	≤ 9.89
3	Khả năng chú ý (p)	≥ 13.51	13.50 - 12.58	12.57 - 10.46	10.45 - 9.44	≤ 9.43
4	Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s)	≤ 18.65	18.66 - 27.23	27.24 - 44.66	44.67 - 53.33	≥ 53.34
5	Giật tạ 2' (l)	≤ 98.4	98.5 - 100.9	101.0 - 106.0	106.1 - 108.5	≥ 108.6
6	Đẩy tạ 2' (l)	≤ 83.57	83.58 - 86.19	86.20 - 91.71	91.72 - 94.42	≥ 94.43
7	Chèo trên máy 2'(m)	≤ 360.4	360.5 - 383.2	383.3 - 429.1	429.2 - 452.1	≥ 452.2
8	Chênh lệch thành tích 2x200m (k)	≥ 20.38	20.37 - 18.81	18.80 - 15.40	15.39 - 13.74	≥ 13.73
9	Chèo thuyền 2000m (ph)	≥ 12.54	12.53 - 12.58	12.57 - 12.28	12.27 - 12.33	≤ 12.32

Bảng 3. Tiêu chuẩn phân loại sức bền tốc độ theo từng test của nữ VĐV đua thuyền Kayak lứa tuổi 16

TT	Xếp hạng Test	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	VO ₂ max (ml/kg/ph)	≤ 35.52	35.53 - 39.37	39.38 - 47.37	47.38 - 51.32	≥ 51.33
2	Rufier (HW)	≥ 14.28	14.27 - 13.39	13.38 - 11.31	11.30 - 10.32	≤ 10.31
3	Khả năng chú ý (p)	≥ 12.38	12.37 - 11.27	11.26 - 8.77	8.76 - 7.57	≤ 7.56
4	Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s)	≤ 31.08	31.09 - 38.57	38.58 - 53.83	53.84 - 61.41	≥ 62.42
5	Giật tạ 2' (l)	≤ 102.00	102.01 - 105.78	105.79 - 111.62	111.63 - 114.50	≥ 114.51
6	Đẩy tạ 2' (l)	≤ 90.00	90.01 - 93.10	93.11 - 99.38	99.39 - 102.01	≥ 102.02
7	Chèo trên máy 2'(m)	≤ 407	407.1 - 417.2	417.3 - 437.7	437.8 - 447.9	≥ 448
8	Chênh lệch thành tích 2x200m (k)	≥ 18.72	18.71 - 17.29	17.28 - 14.19	14.18 - 12.63	≤ 12.62
9	Chèo thuyền 2000m (ph)	≥ 12.39	12.38 - 12.33	12.32 - 12.21	12.20 - 12.16	≤ 12.15



**Đua thuyền Kayak hiện đang được phát triển ở nhiều tỉnh thành trên cả nước
(Ảnh: Lễ hội đua thuyền Kayak tại Huyện Lâm Bình, Tuyên Quang)**

**Bảng 4. Tiêu chuẩn phân loại sức bền tốc độ theo từng test của nữ VĐV
đua thuyền Kayak lứa tuổi 17**

TT	Xếp hạng Test	Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt
1	VO ₂ max (ml/kg/ph)	≤ 38.64	38.65 - 43.75	43.76 - 48.99	48.00 - 56.27	≥ 56.28
2	Rufier (HW)	≥ 12.22	12.21 - 11.37	11.36 - 9.66	9.65 - 8.81	≤ 8.80
3	Khả năng chú ý (p)	≥ 11.67	11.66 - 10.28	10.27 - 7.49	7.48 - 6.10	≤ 6.09
4	Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s)	≤ 40.82	40.83 - 49.9	50.0 - 68.6	68.7 - 77.9	≥ 78.0
5	Giật tạ 2' (l)	≤ 108.0	108.1 - 112.3	112.4 - 119.1	119.2 - 122.4	≥ 122.5
6	Đẩy tạ 2' (l)	≤ 109.0	110.0 - 117.1	117.2 - 120.2	120.3 - 123.4	≥ 123.5
7	Chèo trên máy 2'(m)	≤ 430	430.1 - 427.0	427.1 - 447.8	447.9 - 458.2	≥ 458.3
8	Chênh lệch thành tích 2x200m (k)	≥ 15.93	15.92 - 14.51	14.50 - 11.66	11.65 - 10.24	≤ 10.23
9	Chèo thuyền 2000m (ph)	≥ 12.30	12.29 - 12.22	12.21 - 12.06	12.05 - 11.58	≤ 11.57

4. Xây dựng tiêu chuẩn theo thang điểm đánh giá sức bền tốc độ cho nữ vận động viên Đua thuyền Kayak cự ly 500m lứa tuổi 15-17

Chuẩn điểm đánh giá sức bền tốc độ theo từng test không những cho phép tính điểm của bất kỳ test nào mà còn cho biết tổng điểm đạt được của các test nhằm phục vụ cho việc kiểm

tra, đối chiếu, đánh giá tổng hợp sức bền tốc độ trong thực tiễn huấn luyện và nghiên cứu. Trên cơ sở kết quả kiểm tra của 16 nữ VĐV Đua thuyền Kayak lứa tuổi 15-17 của CLB Đua thuyền Hà nội, chúng tôi xây dựng bảng điểm đánh giá sức bền tốc độ theo thang C ở từng test. Kết quả được trình bày ở bảng 5, 6 và 7.

Bảng 5. Bảng điểm đánh giá sức bền tốc độ theo từng test của nữ vận động viên đua thuyền Kayak lứa tuổi 15

TT	Thang điểm Test	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	VO ₂ max (ml/kg/ph)	<29.21	29.21-31.15	31.16-33.09	33.10-35.04	35.05-36.98	36.99-38.93	38.94-40.87	40.88-42.82	42.83-44.76	44.77-46.71	≥ 46.72
2	Rufier (HW)	>13.90	13.90-13.41	13.40-12.91	12.90-12.41	12.40-11.92	11.91-11.42	11.41-10.92	10.91-10.41	10.40-9.91	9.90-9.41	≤ 9.40
3	Khả năng chú ý (p)	>13.50	13.50-13.00	12.99-12.49	12.48-11.99	11.98-11.48	11.47-10.98	10.97-10.47	10.46-9.96	9.95-9.46	9.45-8.95	≤ 8.94
4	Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s)	<14.33	14.33-18.65	18.66-22.99	23.00-27.32	27.33-31.65	31.66-35.99	36.00-40.32	40.33-44.65	44.66-48.99	49.00-53.32	≥ 53.33
5	Giật tạ 2' (l)	<97.25	97.25-98.49	98.50-99.74	99.75-101.09	101.10-102.24	102.25-103.50	103.51-104.74	104.75-105.99	106.00-107.24	107.25-108.50	≥ 108.51
6	Đẩy tạ 2' (l)	<82.22	82.22-83.57	83.58-84.92	84.93-86.28	86.29-87.63	87.64-88.99	89.00-90.34	90.35-91.70	91.71-93.05	93.06-94.41	≥ 94.42
7	Chèo trên máy 2'(m)	<348.96	348.96-360.41	360.42-371.86	371.87-383.32	383.33-394.78	394.79-406.24	406.25-417.70	417.71-429.15	429.16-440.61	440.62-452.07	≥ 452.08
8	Chênh lệch thành tích 2 x 200m (k)	>20.37	20.37-19.55	19.54-18.73	18.72-17.89	17.88-17.07	17.06-16.24	16.23-15.41	15.40-14.58	14.57-13.75	13.74-12.92	≤ 12.91
9	Chèo thuyền 2000m (ph)	>12.53	12.53-12.52	12.51-12.49	12.48-12.47	12.46-12.44	12.43-12.42	12.41-12.39	12.38-12.36	12.35-12.34	12.33-12.32	≤ 12.31

Bảng 6. Bảng điểm đánh giá sức bền tốc độ theo từng test của nữ vận động viên đua thuyền Kayak lứa tuổi 16

TT	Thang điểm Test	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	VO ₂ max (ml/kg/ph)	<33.55	33.55-35.51	35.52-37.50	37.51-39.46	39.47-41.44	41.45-43.41	43.42-45.38	45.39-47.36	47.37-49.33	49.34-51.31	≥ 51.32
2	Rufier (HW)	>14.28	14.28-13.79	13.78-13.30	13.29-12.80	12.79-12.31	12.30-11.82	11.81-11.32	11.31-10.83	10.82-10.33	10.32-9.83	≤ 9.82
3	Khả năng chú ý (p)	>12.37	12.37-11.78	11.77-11.18	11.17-10.58	10.57-9.98	9.97-9.38	9.37-8.78	8.77-8.18	8.17-7.58	7.57-6.98	≤ 6.97
4	Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s)	<27.3	27.3-31.08	31.09-34.87	34.88-38.66	38.67-42.45	42.46-46.24	46.25-50.03	50.04-53.82	53.83-57.61	57.62-61.40	≥ 61.41
5	Giật tạ 2' (l)	<101.56	101.56-103.00	103.01-104.43	104.44-105.86	105.87-107.30	107.31-108.74	108.75-110.17	110.18-111.61	111.62-113.04	113.05-114.48	≥ 114.49
6	Đẩy tạ 2' (l)	<90.17	90.17-91.48	91.49-92.79	92.80-94.11	94.12-95.42	95.43-96.74	96.75-98.05	98.06-99.36	99.37-100.5	100.6-101.9	≥ 102.0
7	Chèo trên máy 2'(m)	<365.0	365.0-377.4	377.5-390.0	390.1-402.4	402.5-415.0	415.1-427.4	427.5-440.0	440.1-452.4	452.5-465.0	465.1-477.4	≥ 477.5
8	Chênh lệch thành tích 2x200m (k)	>18.71	18.71-17.96	17.95-17.20	17.19-16.44	16.43-15.68	15.67-14.92	14.91-14.16	14.15-13.40	13.39-12.64	12.63-11.88	≤ 11.87
9	Chèo thuyền 2000m (ph)	>12.38	12.38-12.36	12.35-12.33	12.32-12.30	12.29-12.28	12.27-12.25	12.24-12.22	12.21-12.19	12.18-12.17	12.16-12.14	≤ 12.13

Bảng 7. Bảng điểm đánh giá sức bền tốc độ theo từng test của nữ vận động viên đua thuyền Kayak lứa tuổi 17

TT	Thang điểm Test	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	VO ₂ max (ml/kg/ph)	<38.60	38.60-39.80	39.81-41.87	41.88-43.94	43.95-46.01	46.02-48.08	48.09-50.15	50.16-52.22	52.23-54.29	54.30-56.36	≥ 56.37
2	Rufier (HW)	>12.21	12.21-11.79	11.78-11.37	11.36-10.94	10.93-10.52	10.51-10.09	10.08-9.67	9.66-9.24	9.23-8.82	8.81-8.39	≤ 8.38
3	Khả năng chú ý (p)	>11.66	11.66-10.97	10.96-10.28	10.27-9.58	9.57-8.89	8.88-8.19	8.18-7.50	7.49-6.80	6.79-6.11	6.10-5.42	≤ 5.41
4	Thăng bằng tĩnh ở tư thế ngồi (s)	<27.3	27.3-1.08	31.09-34.87	34.88-38.66	38.67-42.45	42.46-46.24	46.25-50.03	50.04-53.82	53.83-57.61	57.62-61.92	≥ 61.93
5	Giật tạ 2' (l)	<107.43	107.43-109.08	109.09-110.74	110.75-112.41	112.42-114.07	114.08-115.74	115.75-117.40	117.41-119.06	119.07-120.73	120.74-122.40	≥ 122.40
6	Đẩy tạ 2' (l)	<108.98	108.98	110.58	112.18	113.79	115.39	117	118.6	120.2	121.81	≥ 123.41
7	Chèo trên máy 2 phút (m)	<372.20	372.20-385.25	385.26-398.31	398.32-411.37	411.38-424.43	424.44-424.50	437.51-437.55	450.56-463.61	463.62-476.67	476.68-489.73	≥ 489.74
8	Chênh lệch thành tích 2x200m (k)	>16.11	16.11-15.36	15.35-14.60	14.59-13.84	13.83-13.09	13.08-12.33	12.32-11.57	11.56-10.82	10.81-10.06	10.05-9.30	≤ 9.29
9	Chèo thuyền 2000m (ph)	>12.29	12.29-12.26	12.25-12.22	12.21-12.19	12.18-12.15	12.14-12.11	12.10-12.07	12.06-12.03	12.02-11.59	11.58-11.16	≤ 11.55



Đua thuyền Kayak không chỉ phát triển trên các sông, hồ mà còn phát triển mạnh mẽ cả ở các thành phố Biển (Ảnh; Đua thuyền Kayak tại biển Mỹ Khê, Đà Nẵng)

Bảng 8. Bảng điểm tổng hợp đánh giá sức bền tốc độ cho lứa tuổi 15-17

Lứa tuổi	$\bar{x}$	δ	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
15	47.5	8.58	<30.33	30.33 - 38.82	38.83 - 56.08	56.09 - 64.66	≥ 64.67
16	49.25	9.22	<30.82	30.82 - 39.99	40.00 - 58.46	58.47 - 67.68	≥ 67.69
17	53.13	8.11	<36.90	36.90 - 44.92	44.93 - 61.24	61.25 - 69.36	≥ 69.37

5. Xây dựng bảng điểm tổng hợp đánh giá sức bền tốc độ cho nữ vận động viên Đua thuyền Kayak lứa tuổi 15-17 Câu lạc bộ Đua thuyền Hà Nội

Để có thể đánh giá một cách đa diện, đảm bảo tính khách quan, tôn trọng quy luật bù trừ sinh học của con người, chúng tôi tiến hành xây dựng bảng điểm đánh giá tổng hợp dựa trên quy tắc $\pm 2\sigma$. Kết quả được trình bày ở bảng 8.

Bảng điểm tổng hợp là thước đo một cách tổng quát, bao trùm vấn đề nghiên cứu theo nhiều góc cạnh, mang giá trị chung nhất để thể hiện rõ nét năng lực về sức bền tốc độ của nữ VĐV đua thuyền Kayak lứa tuổi 15-17 CLB đua thuyền Hà Nội. Từ đó giúp cho quá trình đánh giá thuận lợi, đảm bảo tính chính xác cao.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở xác định được giá trị quan sát đảm bảo đủ điều kiện để có thể sử dụng các tham số đặc trưng, dựa trên giá trị trung bình quan sát của 9 test đã được lựa chọn, đề tài tiến hành lập test và xây dựng được 3 bảng tiêu chuẩn phân loại sức bền tốc độ cho các độ tuổi 15-17 theo từng test (bảng 2,3,4) dựa theo quy tắc 2σ , bảng

tiêu chuẩn điểm theo thang độ C cho từng test (bảng 5,6,7) và bảng điểm tổng hợp đánh giá sức bền tốc độ (bảng 8).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
2. Đặng Hoài An (2015), "Nghiên cứu phát triển sức bền tốc độ cho nam vận động viên chạy cự ly ngắn (100 - 200m) ở giai đoạn chuyên môn hoá ban đầu", *Luận án tiến sĩ giáo dục học*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
3. Đàm Trung Kiên (2009), "Nghiên cứu nội dung, tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện đối với VĐV chạy 100m cấp cao", *Luận án tiến sĩ giáo dục học*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Trạch và cộng sự (2004), *Huấn luyện thể lực cho VĐV bơi*, Nxb TDTT, Hà Nội.
6. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu khoa học với SPSS*, Nxb Hồng Đức.

(Bài nộp ngày 20/12/2021, Phản biện ngày 14/1/2022, duyệt in ngày 18/2/2022)

1. Nguyễn Văn Hùng

Thư chúc mừng năm mới tới toàn thể cán bộ, công nhân viên chức Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Chung Anh

06 sự kiện tiêu biểu năm 2021 của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

8. Trương Quốc Uyên

Những quan điểm sâu sắc của Hồ Chí Minh trong bài báo “Về Câu chuyện Xiki”

11. Nguyễn Văn Phúc

Định hướng phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến năm 2030

16. Đặng Văn Dũng; Trần Trung

Định hướng hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh năm 2022

18. Đặng Văn Dũng; Đinh Quang Ngọc

Định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh năm 2022

22. Đỗ Hữu Trường; Đặng Hoài An

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác đào tạo vận động viên

BÀI BÁO KHOA HỌC

26. Đặng Văn Dũng

Mức độ đáp ứng cơ sở vật chất và trang thiết bị tập luyện thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật tại các trung tâm văn hóa đô thị

30. Nguyễn Văn Phúc; Lê Thị Thanh Thủy

Thực trạng trình độ thể lực của học sinh lớp 7 (12 tuổi) tỉnh Bắc Ninh

34. Nguyễn Xuân Thuýết; Nguyễn Việt Anh; Nguyễn Mã Lương

Các điều kiện triển khai mô hình phát triển Thể dục thể thao Quần chúng ở miền núi Việt Nam

40. Bùi Thị Sáng

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức bền tốc độ của nữ vận động viên Đua thuyền Kayak lứa tuổi 15-17 Câu lạc bộ Đua thuyền Hà Nội

48. Nguyễn Thế Tình; Nguyễn Đình Duy Nghĩa; Hoàng Trung Kiên

Kết quả ứng dụng các biện pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

55. Lê Quang Minh

Tự hào là sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao trong những năm chống Mỹ cứu nước

57. Hoàng Công Dân

Những kết quả chủ yếu 10 năm (2011-2021) triển khai Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 (Đề án 641)

64. Gia Linh

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ về thăm Trường (12/14/1961-14/12/2021) và 62 năm thành lập Trường (1959-2021)

66. Minh Đức

Hội thảo khoa học “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp Thể dục thể thao – giá trị lý luận và thực tiễn trong phát triển thể dục thể thao hiện nay”

68. Đỗ Hữu Trường

Công đoàn Trường Đại học TDTT Bắc Ninh triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 với chủ đề “Chăm lo việc làm, đời sống cho người lao động; phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam”

70. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Hiếu

Tập luyện với Địa tập cân bằng Balance Board

72. Tổng hợp các bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao năm 2021

80. Thể lệ viết và gửi bài.

1. Nguyen Van Hung

Happy New Year letter to all officials and employees working in the Culture, Sports and Tourism Sector

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Chung Anh

06 outstanding events of Bac Ninh Sports University

8. Truong Quoc Uyen

The profound perspectives of President Ho Chi Minh in the article about the story of Xiki

11. Nguyen Van Phuc

Development orientation of Bac Ninh Sports University in the period of 2021-2026 and in a vision to 2030

16. Dang Van Dung; Tran Trung

Orientation for training activities and international cooperation of Bac Ninh Sports University in 2022

18. Dang Van Dung; Dinh Quang Ngoc

Orientation for scientific and technological activities of Bac Ninh Sports University in 2022

22. Do Huu Truong; Dang Hoai An

Bac Ninh Sports University successfully completed the task of training athletes

ARTICLES

26. Dang Van Dung

Demand-satisfied level of physical facilities and exercise equipment in practicing adaptive sports for people with disabilities in urban cultural centers

30. Nguyen Van Phuc; Le Thi Thanh Thuy

Status of fitness level of students in grade 7 (12 years old) in Bac Ninh province

34. Nguyen Xuan Thuyet; Nguyen Viet Anh; Nguyen Ma Luong

Conditions for implementing the model of public sport development in mountainous areas of Vietnam

40. Bui Thi Sang

Developing standards for assessing speed endurance for female Kayak athletes aged 15-17 in the Hanoi Sailing Club

48. Nguyen The Tinh; Nguyen Dinh Duy Nghia; Hoang Trung Kien

Results of applying measures to attract and improve efficiency of sport services organization and exploitation at Hue University

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

55. Le Quang Minh

Proud to be a student of the Bac Ninh Sports University during the US war-defending period

57. Hoang Cong Dan

Main results of 10-year implementation (from 2011 to 2021) of the Master Project on development of physical strength and stature of Vietnamese people in the period 2011-2030 (Project 641)

64. Gia Linh

Bac Ninh Sports University successfully organized the 60th anniversary of Uncle Ho's visit to the school (April 12, 1961 - December 14, 2021) and 62 years of university establishment (1959-2021)

66. Minh Duc

Scientific conference "President Ho Chi Minh with the career of physical training and sports - theoretical and practical values in the development of physical training and sports today"

68. Do Huu Truong

The Trade Union of Bac Ninh Sports University deploys key tasks in 2022 with the theme "Taking care of jobs and life for workers; strive to achieve the highest the goals and tasks of the Resolution of the 12th Congress of the Vietnam Trade Union"

70. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Hieu

Workout with the Balance Board

72. Summary of articles published in the Education, Science and Sport Coaching journal in 2021

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 1-2022
(68)

